TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lấy

Ông Vũ Văn Hoá

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Căn hộ B8 Chung cư B, phường B, quận K, thành phố H; nơi ở hiện tại: Thôn M, xã M, huyện T, thành phố H. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Minh C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Căn hộ B8 Chung cư B, phường B, quận K, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, chị và anh Lưu Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2014 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu về gia đình anh C sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng. Từ năm 2020 đến nay, chị về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn M, xã M, huyện T, thành phố H, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Minh C.

- Về con chung: Chị và anh C có một con chung tên là Lưu Quỳnh C, sinh ngày 05/12/2019. Chị trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con khoẻ mạnh và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lưu Minh C là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không tham gia phiên toà theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Lưu Minh C.

Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Lưu Minh C có một con chung là Lưu Quỳnh C, sinh ngày 05/12/2019. Giao con chung cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn là anh Lưu Minh C có nơi cư trú tại căn hộ B8 Chung cư B, phường B, quận K, thành phố H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lưu Minh C đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Lưu Minh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2014 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố H. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Lưu Minh C là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh C hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống và không còn tin tưởng nhau, dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không đạt kết quả mà ngày càng trầm trọng. Từ năm 2020 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh Lưu Minh C vẫn cư trú tại căn hộ B8 Chung cư B, phường B, quận K, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa hai lần nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chứng tỏ anh C không muốn níu kéo hôn nhân với chị H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh C.

[5]. Về con chung: Chị H và anh C có một con chung tên là Lưu Quỳnh C, sinh ngày 05/12/2019. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, chị H trực tiếp nuôi con từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay, việc nuôi con ổn định và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Ly hôn, chị H đề nghị Toà án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C không có ý kiến. Vì vậy, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết, anh C không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Lưu Minh C.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Lưu Minh C có một con chung tên là Lưu Quỳnh C, sinh ngày 05/12/2019. Giao con chung cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, anh Lưu Minh C không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004761 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H. Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H, anh Lưu Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND TP. H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường B, quận K, thành phố H, (GCNKH số 63 đk ngày 25/11/2014);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hải Hà